

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 130/QĐ-CĐXD1 ngày 14 tháng 5 năm 2014  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 1)

**Tên chương trình** : Ngân hàng thương mại

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng

**Ngành đào tạo** : Tài chính - Ngân hàng

**Mã ngành** : 51340201

**Loại hình đào tạo** : Chính quy tập trung

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Cao đẳng ngành Ngân hàng thương mại có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khoẻ, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn hợp lý về Kinh tế, Quản lý, Tài chính và Ngân hàng để đáp ứng được các yêu cầu về nhân lực cho xã hội. Cụ thể:

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Yêu cầu về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức chung về kinh tế, tài chính, tín dụng, tài trợ dự án, kinh doanh tiền tệ...

+ Trình bày được những kiến thức về nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng thương mại như: Huy động vốn, tín dụng, phân tích chứng khoán, các dịch vụ ngân hàng thương mại, quản lý vốn và tài sản của ngân hàng thương mại ...

+ Trình bày được những kiến thức về kế toán ngân hàng, kế toán doanh nghiệp, kiểm toán.

+ Đạt trình độ ngoại ngữ: tương đương bậc A2 (theo quy định trình độ của Bộ Giáo dục & Đào tạo)

+ Đạt trình độ tin học: B (theo quy định trình độ của Bộ GD &ĐT)

+ Đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất.

##### 1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng:

+ Thực hiện được các công việc: Tham gia lập kế hoạch tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, thực hiện các phân hành kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Thực hiện được các nghiệp vụ huy động vốn.

- + Thực hiện các nghiệp vụ trong quy trình cấp tín dụng như: Thẩm định phân tích đánh giá tín dụng, hoàn thiện hồ sơ tín dụng, hỗ trợ tín dụng,...
- + Tư vấn- chăm sóc khách hàng
- + Thực hiện được các phần hành kế toán ngân hàng
- + Thực hiện được các dịch vụ khác của ngân hàng thương mại như: Kinh doanh ngoại tệ, giao dịch chứng khoán,...
- + Kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập và theo nhóm;
- + Sử dụng các phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel);
- + Sử dụng Anh văn trong giao tiếp thông dụng; vận dụng vốn từ vựng Anh văn chuyên ngành trong quá trình công tác.

### **1.2.3. Yêu cầu về thái độ:**

+ Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Vận dụng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào lĩnh vực tài chính ngân hàng; cần cù chịu khó và sáng tạo, trách nhiệm trong nghề nghiệp; hiểu và thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi của người công dân đối với đất nước.

+ Tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Làm việc khoa học, trung thực, cẩn thận, tận tâm với công việc.

+ Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: Không ngừng học tập nâng cao trình độ; ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ mới vào công việc nhằm tạo ra giá trị gia tăng ngày càng nhiều cho doanh nghiệp cũng như cho xã hội.

### **1.2.4. Vị trí việc làm:**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên làm việc trong:

+ Các ngân hàng thương mại ở các vị trí như: Giao dịch viên, Nhân viên kế toán, Nhân viên quan hệ khách hàng, Nhân viên tác nghiệp tín dụng,...

+ Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; Đơn vị hành chính sự nghiệp; Cơ quan quản lý nhà nước ở các vị trí: cán bộ nghiệp vụ tài chính, kế toán...

## **2. Thời gian đào tạo: 3 năm**

## **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 96 tín chỉ**

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc Trung học bổ túc văn hoá có tham dự kỳ thi đại học, cao đẳng.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** (theo quy định của trường)

## **6. Thang điểm: 10**

## 7. Nội dung chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Ghi chú
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>23</b>	<b>19</b>	<b>4</b>	
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>73</b>	<b>34</b>	<b>39</b>	
2.1	Kiến thức cơ sở	14	8	6	
2.2	Kiến thức ngành	35	19	16	
2.3	Kiến thức bổ trợ	12	7	5	
2.4	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7	
2.5	Tốt nghiệp	5	0	5	
<b>3</b>	<b>Tổng</b>	<b>96</b>	<b>53</b>	<b>43</b>	

### Cụ thể:

#### 7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 23 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<b>7.1.1. Lý luận chính trị</b>						
1	010101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin	<b>5</b>	4	1	Khoa LLCT
2	010102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<b>2</b>	2	0	Khoa LLCT
3	010103	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	<b>3</b>	3	0	Khoa LLCT
<b>7.1.2. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên – Khoa học xã hội</b>						
<i>Bắt buộc: 8 tín chỉ</i>						
4	040101	Toán ứng dụng	<b>3</b>	2	1	Khoa CB
5	010107	Tin học cơ sở	<b>1</b>	0	1	TTTH
6	010108	Pháp luật đại cương	<b>2</b>	2	0	Khoa LLCT
7	040102	Soạn thảo văn bản	<b>2</b>	2	0	Khoa KT-TC
<i>Tự chọn (2/4 tín chỉ)</i>						
8.1	010110	Kỹ năng giao tiếp	<b>2</b>	2	0	Khoa LLCT
8.2	080101	Tâm lý học đại cương	<b>2</b>	2	0	Khoa KT-TC
<b>7.1.3. Ngoại ngữ</b>						
9	010111	Anh văn giao tiếp	<b>3</b>	2	1	TTNN

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<b>7.1.4. Giáo dục quốc phòng – Giáo dục thể chất</b>						
10	010112	Giáo dục thể chất	3			Khoa CB
11	010113	Giáo dục quốc phòng	8			Khoa CB

**7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 73 tín chỉ**

**7.2.1 Kiến thức cơ sở: 14 tín chỉ**

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
12	030401	Kinh tế vi mô	2	1	1	Khoa KT-TC
13	070305	Marketing căn bản	2	1	1	Khoa KT-TC
14	040201	Nguyên lý thống kê	2	1	1	Khoa KT-TC
15	040406	Pháp luật kinh tế	2	2	0	Khoa KT-TC
16	030201	Quản trị học	2	1	1	Khoa KT-TC
17	070202	Nguyên lý kế toán	2	1	1	Khoa KT-TC
18	040202	Tài chính học	2	1	1	Khoa KT-TC

**7.2.2 Kiến thức ngành: 35 tín chỉ**

**7.2.2.1 Kiến thức chung của ngành (bắt buộc phải có): 19 tín chỉ**

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
19	080301	Thị trường tài chính	2	1	1	Khoa KT-TC
20	070404	Thị trường chứng khoán	2	1	1	Khoa KT-TC
21	080302	Bảo hiểm	2	1	1	Khoa KT-TC
22	080303	Tiền tệ - Ngân hàng	2	1	1	Khoa KT-TC
23	040403	Tài chính doanh nghiệp I	2	1	1	Khoa KT-TC
24	040405	Tài chính doanh nghiệp II	2	2	0	Khoa KT-TC
25	080304	Định giá tài sản	2	1	1	Khoa KT-TC

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
26	080305	Tài chính quốc tế	2	1	1	Khoa KT-TC
27	080306	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	Khoa KT-TC

7.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu của ngành (**16** tín chỉ)

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<b>Bắt buộc: 14</b> tín chỉ						
28	080307	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại 1	2	1	1	Khoa KT-TC
29	080308	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại 2	2	1	1	Khoa KT-TC
30	080309	Tài trợ dự án	2	1	1	Khoa KT-TC
31	080310	Nghiệp vụ Ngân hàng trung ương	2	1	1	Khoa KT-TC
32	080311	Kế toán Ngân hàng thương mại	4	2	2	Khoa KT-TC
33	080312	Quản trị Ngân hàng thương mại	2	1	1	Khoa KT-TC
<b>Tự chọn: 2</b> tín chỉ ( <i>Chọn 2/4 tín chỉ</i> )						
34.1	080313	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2	1	1	Khoa KT-TC
34.2	080314	Thanh toán quốc tế	2	1	1	Khoa KT-TC

7.2.3 Kiến thức bổ trợ (**12** tín chỉ)

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<b>Bắt buộc: 10</b> tín chỉ						
35	040404	Anh văn kinh tế	2	1	1	TT NN
36	080401	Kế toán tài chính	3	2	1	Khoa KT-TC
37	080402	Tin ứng dụng trong Tài chính – Ngân hàng	1	0	1	TT TH
38	040402	Thuế	2	1	1	Khoa KT-TC
39	040310	Kiểm toán	2	2	0	Khoa KT-TC
<b>Tự chọn (2/6</b> tín chỉ)						
40.1	070310	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	2	1	1	Khoa KT-TC
40.2	070204	Kinh tế vĩ mô	2	1	1	Khoa KT-TC
40.3	070203	Kinh tế quốc tế	2	1	1	Khoa KT-TC

7.2.4 Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận/ đề án tốt nghiệp (12 tín chỉ)

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
Thực tập: 7 tín chỉ						
41	080501	Thực tập nghiệp vụ NHTM	1	0	1	Khoa KT-TC
42	080502	Thực tập về TCDN và PTTCN	1	0	1	Khoa KT-TC
43	080503	Thực tập ngoài trường	5	0	2	Khoa KT-TC
Tốt nghiệp: 5 tín chỉ						
44	080601	Khóa luận tốt nghiệp	5	0	5	
Học phân thay thế ( <i>Trong trường hợp điểm trung bình học tập toàn khóa (chưa kể tốt nghiệp) &lt; 6,0</i> )						
44.1	080601	Marketing ngân hàng	2	1	1	Khoa KT-TC
44.2	080602	Kỹ năng giao dịch trong kinh doanh ngân hàng	3	2	1	Khoa KT-TC

**8. Kế hoạch giảng dạy** (*theo tiến trình đào tạo*)

**9. Hướng dẫn thực hiện chương trình**